

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
4	- Từ giáp ngã ba giáp đất Công ty Thụy Hồng Quốc tế thuê đến cầu nông trường (đường nhựa 413b)	280
5	- Từ giáp ngã 3 Quốc lộ 27 (Nhà Ông Cương) đến hết đất khu tái định cư sân Golf	185
I.1.3	Các tuyến đường bổ sung	
	Từ giáp ngã quốc lộ 27 (Cầu Bắc hội) đến giáp ngã ba nhà đất ông Tiến	200
I.2	<u>XÃ LẠC LÂM</u>	
I.2.1	Đất có mặt tiếp giáp với Quốc lộ 27	
1	-Từ giáp ranh giới hành chính TT Thạnh Mỹ đến giáp đất Công ty DVNN Lâm Đồng cũ	556
2	-Từ đất công ty DVNN Lâm Đồng cũ đến đầu cầu Lạc Sơn	800
3	-Từ cầu Lạc sơn đến đầu cống công trình nước sạch (cống máng cũ)	1,109
4	-Từ cống công trình nước sạch (cống máng cũ) đến giáp ngã ba cây xăng Hùng Hoa	1,386
5	-Từ ngã ba cây xăng Hùng Hoa đến giáp ranh giới hành chính xã Lạc Xuân	970
I.2.2	Các đường nối với Quốc lộ 27	
1	-Từ giáp ngã 3 QL 27 (Km 187) đến cầu Ka Đô	610
2	- Từ giáp QL 27 đến giáp ngã ba đất nhà thờ Lạc Sơn	350
3	- Từ giáp ngã ba đất nhà thờ Lạc Sơn đến hết đất nhà bà Tô Phượng Thắm	215
4	-Từ giáp QL 27 tới ngã ba hội trường thôn M'Răng	345
5	- Từ giáp QL 27 đến hết đất nhà bà Võ Thị Tâm (Thôn Lạc Lâm Làng)	345
6	- Từ giáp QL 27 đến ngã ba nhà Ông Nguyễn Luyến (Thôn Lạc Lâm Làng)	347
7	- Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Luyến đến ngã ba nhà ông Trọng (Thôn LạcLâm Làng)	290
8	- Từ ngã ba nhà ông Nguyễn Luyến đến hết đất nhà ông Huỳnh Văn Lân (Thôn Lạc Lâm Làng)	290
9	-Từ giáp QL 27 đến giáp đất bà Chánh (Thôn Yên Khê Hạ)	375
10	- Từ đất nhà bà Chánh đến giáp ngã tư cống vuông	300
11	-Từ giáp QL 27 (Ngã ba nhà Ông Bính) đến đầu cống Ông Xừ (Thôn Quỳnh Châu Đông)	435
12	-Từ cống Ông Xừ đến hết đất ông Trần Hạnh (Thôn Lạc Thạnh)	331
13	- Các đường nhánh phía bắc nối với QL 27 đến đường dân cư số 10 (từ UBND xã đến giáp Trường Trung học cơ sở Lạc Lâm)	455
14	- Đường dân cư số 10 từ UBND xã đến Trường Trung học cơ sở Lạc Lâm	350

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
15	- Các đường nhánh dẫy phía bắc tiếp giáp với đường dân cư số 10	300
16	- Các đường nhánh Phía nam còn lại nối với QL27 vào đến 200m (Từ cống máng đến giáp ranh giới hành chính Xã Lạc Xuân)	397
I.3	<u>XÃ LẠC XUÂN</u>	
I.3.1	Đất ở có mặt tiền tiếp giáp với Quốc lộ 27	
1	-Từ giáp ranh giới hành chính xã Lạc Lâm đến giáp đất Trường tiểu học Lạc Xuân	970
2	-Từ giáp đất Trường tiểu học Lạc Xuân đến đầu cống lờ Labuoye	455
3	-Từ cống lờ Labuoye đến giáp cống chợ mới Lạc Xuân	630
4	-Từ cống chợ mới Lạc Xuân đến giáp ngã ba nhà ông Trương Dựa	800
5	-Từ ngã ba nhà ông Trương Dựa đến giáp ranh giới hành chính thị trấn Dran	520
I.3.2	Các đường nối với Quốc lộ 27	
1	-Từ QL27 đến giáp cầu Châu Sơn	457
2	-Từ cầu Châu Sơn đến giáp đường 412 (Thôn Châu Sơn)	310
3	- Các đường nối với QL 27 vào đến 200m (Thôn Đồng Thành, Lạc Viên A,B)	340
4	- Các đường nhánh còn lại nối QL 27 vào 200m	300
I.3.3	Đất có mặt tiếp giáp với đường 412	
1	-Từ giáp ranh giới hành chính Thị trấn Dran đến cầu Diom B	310
2	-Từ cầu Diom B đến giáp ranh giới hành chính xã Kađô	375
I.4	<u>XÃ KA ĐÔ</u>	
I.4.1	Đất có mặt tiếp giáp với huyện lộ 413	
1	-Từ cầu Ka Đô đến giáp ngã ba đường cụm Công nghiệp Ka Đô đi cầu Quảng lập	670
2	-Từ giáp ngã ba đường cụm Công nghiệp Ka Đô đi cầu Quảng lập đến ngã 3 đi vào đài truyền hình cũ	840
3	-Từ giáp ngã ba nhà ông Hùng chài đến đầu ranh thửa đất 264 TBD 14 (đất nhà ông Hồng Đạt)	920
4	- Từ ranh thửa đất 264 TBD 14 đến đầu ngã 3 Trường Trung học Ka Đô	1,210
5	-Từ ngã 3 Trường Trung học Ka Đô đến giáp ngã tư Quang Yên	920
6	- Từ ngã tư quang yên đến giáp ranh giới hành chính xã Quảng Lập	835
I.4.2	Đất có mặt tiếp giáp với huyện lộ 412	
1	-Từ giáp ranh giới xã Lạc Xuân đến ngã tư dốc lò than	395
2	-Từ ngã tư dốc lò than đến đầu ngã tư Trường Hiệp Đức	720

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
3	-Từ ngã tư Trường Hiệp Đức đến giáp ngã 3 Đường 413 (UBND xã Kađô)	920
I.4.3	Đường liên xã (đi Pro, Quảng lập)	
1	-Từ ngã 4 Trường Hiệp Đức đến giáp ngã 4 Ông Thành	415
2	-Từ ngã 4 Ông Thành đến đầu ngã 3 Ông Gọn	345
3	-Từ ngã 3 Ông Gọn đến giáp ngã ba ranh giới hành chính 3 xã	220
4	- Từ ngã ba giáp huyện lộ 413 đến giáp ranh giới xã Quảng Lập (đường cụm công nghiệp)	240
5	- Từ giáp huyện lộ 413 (ngã ba chùa) đến giáp ngã tư ông Thành	420
6	- Từ giáp huyện lộ 413 (Cổng văn hoá nghĩa hiệp 2) đến giáp ngã tư (hết thửa đất 58 TBD 20)	375
7	- Từ giáp huyện lộ 412 (ngã tư dốc lò Than) đến giáp ngã tư Ông Thành	420
I.4.4	Các đường nối với huyện lộ 413	
1	-Phía đông bắc chợ	1,204
2	-Phía tây nam chợ	1,204
3	-Từ nhà ông Dương Thuán đến ngã ba ông Nè (đường cuối chợ)	800
4	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Nghiệp) đến giáp đất nhà ông Hiệp	190
5	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Sinh) đến giáp sinh Thổ Mộ	231
6	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Chính) đến giáp sinh Thổ Mộ	237
7	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Khuê) đến giáp nhà ông Khiêm	237
8	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Chiến) đến giáp ngã ba nhà ông Đệ	275
9	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Hùng Chài) đến nhà ông Dẫn Tắc Chấn	263
10	- Từ huyện lộ 413(ngã ba nhà ông Đệ) đến giáp đất nhà ông Tuyên	275
11	- Từ huyện lộ 413 (trường Mầm Non) đến ngã ba nhà ông Minh	335
12	-Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Việt Hùng) đến nhà Ông Bảy Hoà	360
13	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Tính Cộng) đến giáp ngã ba nhà ông Diên	400
14	-Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Lê Phu) đến giáp ngã ba nhà ông Đặng Dư	423
15	-Từ huyện lộ 413 (nhà hùynh Đào) đến giáp ngã ba nhà Ông Hân	360
16	- Từ huyện lộ 413 (Thánh Thất Cao Đài) đến ngã ba nhà ông Minh Rượu	180
17	- Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà ông Tư Khi	300
18	- Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà ông Diệu	300
19	- Từ huyện lộ 413 đến giáp ngã ba nhà ông Thành (3 Hiệu)	300
20	- Từ huyện lộ 413 đến giáp Bến Lợi (Sáu Khanh)	300

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
21	- Từ huyện lộ 413 đến giáp đất đình Thanh Minh	300
22	- Từ huyện lộ 413 đến ngã tư nhà ông Đính	326
23	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba trường cấp 2) đến ngã tư nhà Sáu Chu	326
I.4.5	Các đường nối với huyện lộ 412	
1	- Từ huyện lộ 412 (ngã ba nhà ông Lịch) đến giáp ngã ba Đài Truyền hình Cũ	300
2	- Từ huyện lộ 412 (ngã tư trường Hiệp Đức) đến giáp ngã tư nhà ông Cảnh	385
3	- Từ ngã tư nhà ông Cảnh đến giáp ngã ba nhà ông Hiệp	275
4	- Từ huyện lộ 412 (Ngã ba nhà ông Chúng) đến giáp nhà ông Bảy Sau	180
5	- Từ huyện lộ 412 (ngã ba nhà bà Hương) đến giáp ngã 3 nhà ông Phúc	180
6	- Từ đường 412 đến giáp ngã ba đến hết đất nhà ông Viện	180
7	- Từ huyện lộ 412 (Ngã ba ông Đới) đến ngã 3 nhà bà Ma Đương	180
8	- Từ huyện lộ 412 đến hết đất bà Bình	180
9	- Từ huyện lộ 412 (cổng văn hoá Ka Đô mới 2) đến giáp dốc vào đất bà Bình	180
10	- Từ huyện lộ 412 đến giáp ngã ba nhà bà Ma Khô	180
11	- Từ huyện lộ 412 (cổng văn hoá Taly 1) đến giáp huyện lộ 412 (nhà bà Lan)	180
12	- Từ huyện lộ 412 (ngã tư dốc lò than) đến giáp ngã ba Taly 2	180
I.4.6	Các tuyến đường nông thôn còn lại	
1	- Từ ngã ba nhà ông Công đến giáp ngã ba nhà bà Khuyến)	180
2	-Từ nhà ông Vinh đến nhà bà liên Đài	370
3	- Từ ngã ba đất nhà ông Dur Cao đến giáp đất nhà ông Mười Dững	220
4	- Từ nhà ông Dững Phở đến ngã ba giáp đất ông Điều	220
5	- Từ ngã ba nhà ông Tài đến giáp ngã ba nhà ông Gọn	220
6	- Từ ngã ba nhà bà Bảy Chiêu đến hết đất ông Trí	220
I.5	<u>XÃ QUẢNG LẬP</u>	
I.5.1	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413	
1	- Từ ranh giới xã Ka Đô đến giáp ranh giới đất ông Chiến	570
2	- Từ ranh đất nhà ông Chiến đến ngã ba chợ cũ	640
3	- Từ đầu dốc đến ngã 3 chợ cũ đi xã Pró	640
4	- Từ ngã 3 chợ cũ đến Trạm xá xã Quảng Lập	1,035
5	- Từ Trạm xá Quảng Lập đến hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tấn Cường (Ngã ba đường số 10)	635

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
6	- Từ hết ranh đất nhà ông Huỳnh Tấn Cường đến giáp ngã ba rẽ đi Ka Đơn	400
7	- Từ ngã 3 rẽ đi Ka Đơn (đất ông Quảng) đến ngã ba Trường cấp 3 Pró	467
8	- Từ UBND xã Pró đến hết đất nhà ông Ngô Viết Nguyên	467
9	- Từ hết đất nhà ông Ngô Viết Nguyên đến đối diện ngã ba trường Krănggo	408
10	- Từ ngã ba trường Krănggo đến giáp ranh giới xã Ka Đơn	467
11	- Từ ngã 3 chợ cũ đến đầu ngã 3 Bà Ký	565
12	- Từ ngã 3 Bà Ký đến giáp ngã 4 UBND xã Pró	450
13	- Từ Trạm xá Quảng Lập đến hết Trường cấp 2 Đình Tiên Hoàng	680
15	- Từ hết ranh đất Trường cấp 2 Đình Tiên Hoàng đến cầu ông Oanh	510
14	- Từ cầu ông Oanh đến cầu Quảng Lập	530
I.5.2	Khu trung tâm chợ cũ	
1	- Đường số 1 (Từ Trạm xá xã đến ngã 4 chợ và giáp đường 413)	580
2	- Từ ngã 4 chợ cũ đến hết Trường mẫu giáo Hoàng Anh	285
3	- Đường số 9 đoạn từ ngã ba 413b (ngã ba nhà ông Hà Dũng) đến giáp đường 413 (ngã ba nhà ông Huỳnh Tấn Cường)	250
I.5.3	Các tuyến đường nối với đường 413	
1	- Từ giáp huyện lộ 413 đến giáp ngã 3 bà Ký	200
2	- Đường số 1: Từ huyện lộ 413 đến giáp đường số 9	230
I.5.4	Các tuyến đường bổ sung	
1	- Đường số 10	185
2	- Đường số 2,3,4(từ giáp đường số 9 đến giáp đường số 11)	230
I.6	<u>XÃ P'RÓ</u>	
I.6.1	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413	
1	- Từ ngã 3 ranh giới hành chính xã Quảng lập đến giáp ngã ba nhà ông Phạm Tấn Cua (Thửa đất số 212, TĐĐ 314A)	467
2	- Từ ngã ba nhà ông Phạm Tấn Cua (Thửa đất số 212, TĐĐ 314A) đến giáp ngã ba nhà ông Ya Lin (Thửa đất số 40, TĐĐ 314A)	408
3	- Từ ngã ba nhà ông Ya Lin (Thửa đất số 40, TĐĐ 314A) đến giáp ngã ba hành chính xã Ka Đơn	467
I.6.2	Các đường nối với đường 413	
1	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba ranh giới xã Quảng Lập) đến giáp ngã ba ranh giới ba xã (Pró, QLập, KaĐô)	220
2	- Từ huyện lộ 413 (ngã tư UBND xã) đến giáp ngã ba (dốc bà Đào)	220

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
3	- Từ huyện lộ 413 (ngã tư UBND xã) đến hết đất ông Ya Nho	253
4	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Cửa) đến giáp ngã ba (hết Trường Tiểu học Pró)	220
5	- Từ huyện lộ 413(ngã ba nhà ông Ya Lin) đến giáp ngã ba (Phân Hiệu Trường Krăng gọ)	220
6	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba Trường cấp 3 Pró) đến giáp ngã ba (hết đất ông TouProng Cường)	220
I.6.3	Khu trung tâm xã	
1	- Các đường trong khu trung tâm có mặt tiếp giáp đường quy hoạch	238
I.6.4	Các tuyến đường nông thôn	
1	- Từ ngã ba ranh giới hành chính 3 xã (Pró, QLập, KaĐô) đến giáp ngã ba đốc bà Đào	165
2	- Từ ngã ba (Số nhà 114 nhà ông Nhịn) đến giáp ngã ba nhà đất ông Phiếu	165
3	- Từ giáp đất ông Ya Nho đến giáp ngã ba Trường Tiểu Học Pró	165
4	- Từ ngã ba trường Tiểu Học Pró đến giáp ngã ba phân hiệu trường Krănggô	165
5	- Từ phân hiệu trường Krăng gọ đến giáp ngã ba nhà ông TouProng Cường	165
6	- Từ giáp ngã ba nhà ông TouProng Cường đến giáp ngã ba ranh giới 2 xã (Pró - Ka Đơn)	165
I.6.5	Các tuyến đường bổ sung	
1	- Từ đốc bà đào đến hết ngã ba đồi Cù	150
2	- Từ giáp ngã ba nhà ông Đinh Tấn Thảo đến giáp ngã ba trạm (nhà ông Mông Văn Minh)	150
3	- Từ giáp ngã ba huyện lộ 413 (thửa đất số 31, TĐĐ 314A) đến giáp ngã ba hết thửa đất số 66, TĐĐ 314A	160
I.7	XÃ KA ĐƠN	
I.7.1	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413	
1	- Từ ngã 3 rẽ đi Ka Đơn (đất ông Quảng) đến ngã ba Trường cấp 3 Pró	467
2	- Từ ngã ba trường cấp 3 Pró đến giáp ngã ba hết ranh giới hành chính xã Pró	467
3	-Từ ngã ba hết ranh giới hành chính xã Pró đến ngã ba đi Hoà lạc	405
4	- Từ ngã ba đi Hoà lạc đến đầu cầu KaĐơn	405
5	- Từ cầu KaĐơn đến hết nhà đất ông Lâm Vũ Hà (Thôn Karái 2)	430
6	- Từ hết nhà đất ông Lâm Vũ Hà (Thôn Karái 2) đến hết đất Chùa Giác Châu	285
7	- Từ hết đất chùa giác châu đến đầu ngã ba vào thôn Sao Mai (nhà ông Bùi châu)	174

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
8	-Từ ngã ba vào thôn Sao Mai (nhà ông Bùi Châu) đến giáp ranh giới hành chính xã Tu Tra	265
I.7.2	Các đường nối với huyện lộ 413	
1	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 rẽ đi Ka Đơn đất ông Quảng) đến giáp ngã 3 huyện lộ 413 (nhà ông Hào)	170
2	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 đối diện Trường Mầm non) đến ngã ba (hết thửa 383 tờ BĐ 313a)	215
3	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 Trường Mầm non) đến hết thửa 118 tờ BĐ 289e	170
4	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 nhà bà Cúc) đến ngã ba (giáp thửa 405 tờ BĐ 313a)	240
5	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 nhà ông Thành) đến ngã ba (hết thửa 245 tờ BĐ 289e)	170
6	-Từ huyện lộ 413 (ngã 3 nhà ông Khi) đến giáp ngã 3 (hết thửa 521 tờ BĐ 336b)	170
7	-Từ huyện lộ 413 (ngã 3 đi Hoà lạc) đến giáp sông Đa Nhim	150
8	-Từ huyện lộ 413 (ngã 3 vào thôn Sao Mai nhà ông Bùi Châu) đến giáp ngã ba đường đi thôn Ka Đơn	165
I.7.3	Khu Trung tâm xã	
1	-Khu trung tâm xã có một mặt tiếp giáp đường qui hoạch	425
I.8	<u>XÃ TU TRA</u>	
I.8.1	Đất có mặt tiếp giáp với đường 413	
1	-Từ giáp ranh giới Ka Đơn đến đầu cầu ông Quý	292
2	-Từ cầu ông Quý đến giáp đất nhà thờ Tu Tra	416
3	-Từ đất nhà thờ Tu Tra đến giáp cây xăng Lạc Thạnh	458
4	-Từ cây xăng Lạc Thạnh đến hết khu qui hoạch trung tâm xã	554
5	-Từ hết khu qui hoạch Trung tâm xã đến ngã 4 đường vào thôn Ma Đanh (nhà ông Sáu)	305
6	-Từ Cây xăng Lạc Thạnh đến giáp đất trụ sở công ty sữa Đà Lạt	266
7	-Từ đất trụ sở Công ty sữa Đà Lạt đến giáp cầu Nông trường bò sữa	277
I.8.2	Khu Trung tâm xã	
1	- Các đường qui hoạch trong khu Trung tâm xã	331
I.8.3	Các đường nối với huyện lộ 413	
1	- Từ huyện lộ 413 (ngã 3 Sao Mai) đến cầu ông Thiều	182
2	-Từ huyện lộ 413 (ngã 3 cầu ông Quý) đến giáp ngã ba cầu bà Trí (Thôn STC 2)	164
3	- Từ huyện lộ 413 (ngã ba bà Khánh) đến giáp ngã ba (nhà đất ông Nguyễn Thạch)	164

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
4	-Từ huyện lộ 413 (ngã 4 thôn Lạc Trường) đến hết nhà đất ông Lê Diên	160
5	-Từ huyện lộ 413 (ngã 4 Lạc trường) đến giáp ngã ba ông Niệm	155
6	-Từ huyện lộ 413 (ngã ba tập đoàn 1 Thôn Suối Thông C) đến ngã ba cầu bà Trí	165
7	-Từ huyện lộ 413 (ngã ba cầu Nông trường bò sữa) đến ngã 4 (Trường Tiểu học Kămbute)	165
8	- Từ Huyện lộ 413 (ngã ba cầu Nông Trường) đến giáp ngã ba nhà đất ông Phụng	180
I.8.4	Các tuyến đường nông thôn	
1	- Từ ngã ba cầu bà Trí đến giáp ngã ba (nhà đất ông Phạm Hữu Thạnh)	194
2	-Từ giáp khu qui hoạch Trung tâm xã đến ngã 3 đi R'Lom, Ma Đanh	160
3	-Từ ngã ba đường vào thôn Ma Đanh (nhà ông Sáu) đến giáp ngã 4 (Trường Tiểu học Kămbute)	164
4	-Từ ngã tư Trường Tiểu học Kămbute đến giáp ngã ba đường vào Công ty cổ phần Thăng Đạt	150
I.8.5	Các tuyến đường bổ sung	
1	-Từ giáp huyện lộ 413 (ngã ba nhà ông Sáu) đến hết thửa đất số 83 TBD 41 (đất nhà bà Ma Ten thôn Ma Đanh)	150
2	-Từ giáp ngã ba đi R'lom, Ma Đanh (nhà ông Thanh) đến hết thửa đất số 65 TBD số 37 (đất nhà ông Ya Minh thôn Ka Lót)	150
3	-Từ giáp ngã ba đi R'lom, Ma Đanh (nhà ông Thanh) đến hết thửa đất số 160 TBD số 33 (đất nhà bà Ma Will thôn Ma Đanh)	150
4	-Từ giáp huyện lộ 413 (ngã ba công ty APOLLO) đến giáp ngã ba trụ sở 2 công ty sữa Đà Lạt	240
II	KHU VỰC II: Đất không thuộc khu vực I nêu trên, tiếp giáp với trục giao thông trong thôn, liên thôn có bề mặt đường rộng trên 3m.	
II.1	Xã Đa Ròn	162
II.2	Xã Lạc Lâm	200
II.3	Xã Lạc Xuân:	
1	-Phía bắc sông Đa Nhim	185
2	-Phía nam sông Đa Nhim	132
II.4	Xã Ka Đô	166
II.5	Xã Quảng Lập	166
II.6	Xã P'Ró	137
II.7	Xã Ka Đơn	138
II.8	Xã Tu Tra	143

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
III	<u>KHU VỰC III:</u> Là những vị trí còn lại trên địa bàn xã.	
II.1	Xã Đạ Ròn	120
II.2	Xã Lạc Lâm	137
II.3	Xã Lạc Xuân:	
1	-Phía bắc sông Đa Nhim	138
2	-Phía nam sông Đa Nhim	109
II.4	Xã Ka Đô	115
1	- Khu vực Thôn Ya Hoa thuộc Xã Kađô	28
II.5	Xã Quảng Lập	115
II.6	Xã P'Ró	67
1	- Khu vực Thôn Ú Tờ Lâm thuộc Xã Pró	28
II.7	Xã Ka Đơn	67
II.8	Xã Tu Tra	67

III. ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP (không phải là đất ở):

Giá đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) được xác định theo từng mục đích sử dụng với thời gian sử dụng đất có thời hạn là 50 năm, được tính bằng tỷ lệ % so với giá đất ở và phải đảm bảo những nguyên tắc sau:

- Không được thấp hơn giá đất nông nghiệp cùng vị trí, cùng khu vực trong Bảng giá đất đã được Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành và công bố.

- Đối với đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp, không được thấp hơn mức giá tối thiểu, không cao hơn mức giá tối đa quy định trong khung giá tại Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ.

Riêng trong các trường hợp xác định lại giá đất cho phù hợp với giá chuyển nhượng quyền sử dụng đất thực tế trên thị trường trong điều kiện bình thường được quy định tại Điều 11 Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13 tháng 8 năm 2009 của Chính phủ, thì không bị giới hạn bởi các quy định về khung giá tại Nghị định số 123/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ.

- Khi xác định giá đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở), không áp dụng những quy định về Hệ số địa hình và Tỷ lệ điều chỉnh giá đất theo chiều sâu của thửa đất (lô đất).

Giá đất phi nông nghiệp (không phải là đất ở) được chia ra các loại cụ thể như sau:

Số TT	Khu vực, đường, đoạn đường	Đơn giá
-------	----------------------------	---------

1. Đối với đất xây dựng trụ sở cơ quan và đất xây dựng công trình sự nghiệp; đất sử dụng vào mục đích quốc phòng an ninh; đất tôn giáo, tín ngưỡng (bao gồm đất do các cơ sở tôn giáo sử dụng, đất có công trình là đình, đền, miếu, am, từ đường, nhà thờ họ); đất xây dựng nhà bảo tàng, nhà bảo tồn, nhà trưng bày tác phẩm nghệ thuật, cơ sở sáng tác văn hóa nghệ thuật: Giá đất tính bằng 100% giá đất ở cùng đường phố (cùng đoạn đường), cùng vị trí, cùng khu vực hoặc giá đất ở tại vùng lân cận gần nhất.

2. Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp:

a) Đất khu công nghiệp; Đất cơ sở sản xuất, kinh doanh:

Chia thành 4 nhóm như sau:

DiaOcOnline.vn

DiaoCOnline.vn

DiaOcOnline.vn

DiaOcOnline.vn

DiaOcOnline.vn

DiaOcOnline.vn

DiaOcOnline.vn

DiaOcOnline.vn

DiaOcOnline.vn

DiaOcOnline.vn

DiaoCOnline.vn